

Số: 20/2021/DS-PT
Ngày 16 - 01 - 2021
V/v tranh chấp quyền về
lối đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 380/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số 17A, khu phố 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn U, sinh năm 1962 (xin vắng);

2. Anh Trần Minh M, sinh năm 1987 (xin vắng);

3. Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1998 (xin vắng);

4. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1966 (xin vắng);

6. Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm 2001 (anh Q ủy quyền cho bà Đ theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2019);

Cùng địa chỉ: Số nhà 313/26/10, khu phố 10, đường TCH 02, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

7. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: 254A khu phố 1, phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

8. Bà Trần Thị L, sinh năm 1934 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị H.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy trình bày:

Bà được cấp giấy chứng nhận đối với các phần đất thuộc thửa 376 diện tích là 1.950,2m² và 377 diện tích là 490,4m², tờ bản đồ 8, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Phần đất này có được từ việc phân chia di sản thừa kế của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị C. Bà C có 4 người con gồm bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị N1 và Huỳnh Thị Đ. Khi phân chia di sản vào năm 2014, bà H được chia tại vị trí thửa 375, diện tích 2.060,7m² và cả 4 chị em thống nhất là các phần đất đều phải có lối đi. Để đến đất của bà Trần Thị L cho đi thì bà sẽ đi qua phần đất của bà H tại vị trí thửa 375A có diện tích 53m², qua phần đất thuộc thửa 373A diện tích 0,5m² hiện bà Nguyễn Thị C vẫn là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại vị trí đất này thì không có cây trồng, gần giáp với mương nước là mương ranh với phần đất của bà Lựu cụ thể là cặp mương nước có trồng dừa lá và kế đến là một hàng dừa rồi đến lối đi. Từ khoảng năm 2016, phía bị đơn và các thành viên trong gia đình gồm ông Trần Văn U, anh Trần Minh M, chị Trần Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Kim N ngăn cản, không cho bà đi. Khi khởi kiện, bà yêu cầu quyền về lối đi qua tại vị trí chỉ đo theo họa đồ hiện trạng có chiều ngang khoảng 1,5m, diện tích 53m² thuộc thửa đất 375 (thửa 375A) của bà Huỳnh Thị H và diện tích 0,5m² thuộc thửa 373 (373A) do bà Huỳnh Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông U, anh M, chị H, chị N cho bà quyền về lối đi qua tại phần đất có chiều ngang khoảng 1,2m, diện tích là 46,3m² thuộc thửa 375 (thửa 375A1) và phần đất có diện tích 0,5m² thuộc thửa 373 (373A). Yêu cầu Tòa án ghi nhận bà Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị Đ

cho bà đi qua phần đất thuộc thửa 373A, ghi nhận việc bà Nguyễn Thị L cho bà đi qua đất thuộc thửa 157A1. Bà tự nguyện đền bù cho phía bị đơn giá trị cây cầu mà Hội đồng định giá tài sản huyện M đã định.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Phần đất của bà thuộc thửa 375, tờ bản đồ số 8, ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, có nguồn gốc từ việc phân chia di sản của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị C. Trên phần đất này bà có cất nhà để cùng chồng và các con sinh sống. Trước đây bà vẫn đồng ý cho bà T đi trên phần đất này để vào đất của bà T vì bà T có hứa miệng với chồng bà là bà T sẽ bù cho bà phần đất khác nhưng bà T không thực hiện. Mặt khác, khi thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, cả 4 chị em đều thỏa thuận là phần đất thửa 377 là phần đất thổ mộ gia đình sẽ giao cho bà quản lý vì trong 4 chị em chỉ có bà sống tại địa phương nhưng bà T đã tự làm thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận nên từ năm 2016 bà không đồng ý cho bà T đi qua đất. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì ngoài lời đi này, bà T còn có thể qua đất của bà N, sau đó qua đất thửa 373 của hộ bà Nguyễn Thị C sau đó là qua đất của bà Lựu để ra công cộng và bà cũng không muốn người khác đi trên phần đất của bà. Bà không có ý kiến gì về giá Hội đồng định giá tài sản huyện M đã xác định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn U, Trần Minh M, Trần Thị Ngọc H trình bày:

Phần đất thửa 375, tờ bản đồ số 8, ấp H, xã H, huyện M là của bà Huỳnh Thị H có nguồn gốc từ nhận phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C; ông U, anh M, chị H không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị Đ thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Phần đất của bà thuộc thửa 175, tờ bản đồ số 8, ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay bà đồng ý cho bà T, bà H và các thành viên khác trong gia đình của bà T, bà H đi qua đất của bà tại vị trí thửa 157A mà không yêu cầu bà T hay các đương sự khác phải đền bù giá trị đất, ngoài vị trí này thì bà không cho bà T, bà H đi trên phần đất nào khác cũng như không đồng ý cho bắt thêm cây cầu tại vị trí nào khác qua đất của bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 171 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị T.

Buộc bà Huỳnh Thị H, ông Trần Văn U, anh Trần Minh M, chị Trần Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Kim N phải dành quyền về lối đi qua cho bà Huỳnh Thị T sử dụng phần lối đi có diện tích là 46,3m² trên phần đất thuộc thửa 375 (thửa 375A1), tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Huỳnh Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần lối đi có tứ cận: cạnh Bắc và cạnh Nam giáp phần còn lại của thửa 375; cạnh Đông giáp với thửa 377 do bà Huỳnh Thị T đang đứng tên trên giấy chứng nhận; cạnh Tây giáp với thửa đất 373 (thửa 373A) do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận và thửa 157 của bà Trần Thị L.

Buộc bà Huỳnh Thị H phải dành quyền về lối đi qua cho bà Huỳnh Thị T sử dụng phần lối đi có diện tích là 0,5m² trên phần đất thuộc thửa 373, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 373A).

Ghi nhận bà Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị Đ tự nguyện dành quyền về lối đi qua cho bà Huỳnh Thị T sử dụng phần lối đi có diện tích là 0,5m² trên phần đất thuộc thửa 373 (thửa 373A), tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận bà Trần Thị L tự nguyện dành quyền về lối đi qua cho bà Huỳnh Thị T sử dụng phần lối đi có diện tích là 153,2m² trên phần đất thuộc thửa 175, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Trần Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 175A1).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020, bị đơn bà Huỳnh Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bà không đồng ý mở lối đi cho bà T bất kỳ vị trí nào trên đất của bà vì bà T còn lối đi khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, các đương sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất nguyên đơn yêu cầu quyền về lối đi qua có chiều ngang 1,2m, diện tích 46,3m² thuộc thửa 375A1 thuộc một phần thửa 375 diện tích 2.060,7m² tờ bản đồ số 8, ấp H, xã H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị H, hiện bà H cùng các thành viên trong gia đình gồm chồng và các con quản lý. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu quyền về lối đi qua tại phần đất có diện tích 0,5m² thuộc thửa 373A thuộc một phần thửa 373, diện tích 284,5m², tờ bản đồ số 8 hiện do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận thửa đất thửa 376, 377, tờ bản đồ số 8 hiện do bà Huỳnh Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không giáp với đường công cộng mà bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề khác trong đó có thửa đất số 375 của bà Huỳnh Thị H. Phía bị đơn cũng thừa nhận, nguyên đơn đã sử dụng lối đi trên đất của bị đơn từ khi Bà C chết (năm 2011) và 04 chị em tiến hành thỏa thuận phân chia di sản nhưng theo phía nguyên đơn và 02 người con còn lại của Bà C là bà N và bà Đ xác định lối đi tại vị trí nguyên đơn yêu cầu qua đất của bà H đã hình thành từ khi Bà C còn sống để vào nền nhà cũ của Bà C cũng như để vào phần thổ mộ của gia đình mà hiện tại bà T đang đứng tên trên giấy chứng nhận là thửa 377.

Phần đất của nguyên đơn và bị đơn có nguồn gốc từ việc phân chia thửa đất là di sản của bà Nguyễn Thị C, trong đó phần đất bà H được chia tiếp giáp với vị trí lối đi trên thửa 157 của bà Trần Thị L mà bà Lựu đã đồng ý cho bà T, bà H được đi qua. Hiện tại, bà Lựu không đồng ý mở thêm lối đi tại vị trí khác trên phần đất của bà cho nguyên đơn, bị đơn cũng như các thành viên khác trong gia đình của hai bên đương sự.

[2] Như vậy, để vào được các thửa đất mà nguyên đơn đang được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lối đi thuận tiện nhất, ít gây thiệt hại nhất cho quyền lợi của bà Lựu là phải qua thửa đất số 375 của bà Huỳnh Thị H. Lối đi nguyên

đơn yêu cầu đi qua đất của bà Huỳnh Thị H tại vị trí thửa 375A1 có chiều ngang khoảng 1,2m, diện tích 46,3m², trên đất không có cây trồng, có vị trí gần tiếp giáp với mương nước là mương ranh giữa đất của bà Huỳnh Thị H và bà Trần Thị L, trên bờ mương ranh có trồng dừa lá và kể đến là một hàng trồng 8 cây dừa từ 06 năm tuổi trở lên cấp mương là lối đi ngắn nhất, thuận tiện nhất đối với nguyên đơn, ít tổn diện tích đất và ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất nhất của bị đơn. Do đó, yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn tại vị trí nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đồng thời, các thửa đất của nguyên đơn, bị đơn có nguồn gốc là di sản của Bà C để lại nên khi bà H được chia phần đất tiếp giáp ngoài cùng với lối đi bà Lựu cho đi thì bà H phải dành lối đi hợp lý trên đất để bà T được đi qua và bà T cũng không phải đền bù giá trị đất cho bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 254 Bộ luật Dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng ngoài lối đi qua thửa đất của bà, nguyên đơn còn có lối đi khác, đó là từ phần đất bà Lựu cho đi, nguyên đơn sẽ đi trên thửa đất 373 hiện tại vẫn là hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện M (BL 128-129) thì phần đất bị đơn cho rằng nguyên đơn có thể đi thuộc thửa 373 (8) là phần đất cấp mương nước, từ đoạn cuối của lối đi qua thửa đất 373 để vào được đất của nguyên đơn phải đi qua thửa đất 374 của bà Huỳnh Thị N1 có chiều dài qua đất của bà N dài hơn qua thửa đất của bà H và phải đi giữa đất của bà N vì phần lớn đất của bà N là mương nước, trên đất cũng không hiện hữu lối đi, ngoài ra, từ đất của bà N, để qua đất của bà T phải bắt 02 cây cầu để qua mương có chiều ngang mỗi mương khoảng 7m, nếu không muốn bắt cây cầu thứ hai thì phải đi đến hết đất của bà N sau đó mới vòng trở lại đất của bà T. Do đó, đây không phải là lối đi thuận tiện cho nguyên đơn và sẽ gây ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng đất của bà Huỳnh Thị N1. Do đó yêu cầu kháng cáo và lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được không chấp nhận nên bà H phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 171 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị T.

Buộc bà Huỳnh Thị H, ông Trần Văn U, anh Trần Minh M, chị Trần Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Kim N phải dành quyền về lối đi qua cho bà Huỳnh Thị T sử dụng phần lối đi có diện tích là 46,3m² trên phần đất thuộc thửa 375 (thửa 375A1), tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Huỳnh Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần lối đi có tứ cận: cạnh Bắc và cạnh Nam giáp phần còn lại của thửa 375; cạnh Đông giáp với thửa 377 do bà Huỳnh Thị T đang đứng tên trên giấy chứng nhận; cạnh Tây giáp với thửa đất 373 (thửa 373A) do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận và thửa 157 của bà Trần Thị L.

Buộc bà Huỳnh Thị H phải dành quyền về lối đi qua cho bà Huỳnh Thị T sử dụng phần lối đi có diện tích là 0,5m² trên phần đất thuộc thửa 373, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 373A).

[2] Ghi nhận bà Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị Đ tự nguyện dành quyền về lối đi qua cho bà Huỳnh Thị T sử dụng phần lối đi có diện tích là 0,5m² trên phần đất thuộc thửa 373 (thửa 373A), tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Ghi nhận bà Trần Thị L tự nguyện dành quyền về lối đi qua cho bà Huỳnh Thị T sử dụng phần lối đi có diện tích là 153,2m² trên phần đất thuộc thửa 175, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Trần Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 175A1).

(có họa đồ hiện trạng kèm theo)

[4] Về chi phí tố tụng: Buộc bà Huỳnh Thị H, ông Trần Văn U, anh Trần Minh M, chị Trần Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Kim N phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị T chi phí định giá tài sản và đo đạc phần đất mà bà T đã nộp tạm ứng là 3.347.000 (ba triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Ghi nhận bà Huỳnh Thị T tự nguyện đền bù cho bà Huỳnh Thị H giá trị cây cầu bê tông là 4.110.000 (bốn triệu một trăm mười ngàn) đồng. Bà T được đi trên cây cầu bê tông của bà H.

[6] Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị H đối với diện tích đất làm lối đi mà bà Huỳnh Thị T được quyền đi qua, giới hạn chiều cao lối đi lên khoảng không tính từ mặt đất tự nhiên là 04m. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 171 Luật Đất đai năm 2013 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[7] Về án phí:

7.1. Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Thị H, ông Trần Văn U, anh Trần Minh M, chị Trần Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Kim N phải liên đới nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005308 ngày 01/7/2019 và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000010 ngày 10/8/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

7.2. Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003692 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Thị Ngọc Hương